3952(1 492)

1352

VIỆN ĐO LƯỜNG VIỆT NAM (ĐK 05)

(Vietnam Metrology Institute)

Địa chỉ *(Add.)*: Số 8 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Điện thoại *(Tel.)*: (84-024) 37914876; Fax: (84-024) 37564260

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số *(No)*: V10.CN5.633.20

Tên đối tượng *(Object)* : **Lò chuẩn nhiệt độ**
(Metrology Well Calibrator)

Kiểu *(Type)* : 9170 Số *(Serial No.)*/Mã QL *(Tag No)*: B95379

Nơi sản xuất *(Manufacturer)*: Fluke/ USA

Đặc trưng kỹ thuật đo lường *(Specification)*: Phạm vi đo *(Range)*: (-45 ~ 140) °C
Độ phân giải *(Resolution)*: 0,001 °C
Độ chính xác (Accuracy): ± 0,1 °C

Cơ sở sử dụng *(Customer)*:
Công ty TNHH Đảm bảo Chất lượng Việt Nam

Phương pháp thực hiện *(Method of calibration)*: VMI-CP 16: 2013

Chuẩn được sử dụng *(Standards used)*:
Nhiệt kế điện trở platin chuẩn *(SPRT)*, 5681/Hart Scientific/USA, U_{95} = 0,002 °C
Cầu đo điện trở 1590 *(High Precision Bridge)*, Hart Scientific/USA, U_{95} = 1 ppm
Điện trở chuẩn 100Ω *(Standard Resistor)* 5685A/Tinsley/UK: U_{95} = 0,2 ppm
Hiệu Lực của chuẩn*(Expiry dare of Standar used)*: 2021
Chuẩn được liên kết đến hệ đơn vị quốc tế SI
(Standards are traceable to the International System of units SI)

Kết quả *(Results)*: Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau *(The result of the calibration on the next page)*

Ngày hiệu chuẩn đề nghị tới *(Recalibration recommended)*: Không áp dụng

Hà Nội, Ngày 02 tháng 06 năm 2020
(Date of Issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Đỗ Văn Hồng

KT VIỆN TRƯỞNG
(Director)

PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Bùi Quốc Thụ

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Đo lường Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of VMI)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

***Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số** (attached to certificate No)*: **V10.CN5.633.20**

Chỉ thị *(Indicator)* (°C)	Chuẩn *(Standard)* (°C)	Số hiệu chính *(Correction)* (°C)	Độ ổn định *(Stability)* (°C)	Độ đồng đều dọc *(Axial Uniformity)* (°C)	Độ đồng đều ngang *(Radial Gradient)* (°C)	Độ KĐBĐ *(Uncertainty)* P = 95%CL, k = 2 (°C)
-25,000	-25,047	-0,047	± 0,005	± 0,030	± 0,010	0,085
-20,000	-20,038	-0,038	± 0,005	± 0,020	± 0,010	
-10,000	-10,028	-0,028	± 0,005	± 0,020	± 0,010	
-5,000	-5,038	-0,038	± 0,005	± 0,020	± 0,010	
0,000	-0,018	-0,018	± 0,005	± 0,020	± 0,010	
5,000	4,951	-0,049	± 0,005	± 0,020	± 0,010	
20,000	19,968	-0,032	± 0,005	± 0,020	± 0,010	
37,000	36,958	-0,042	± 0,005	± 0,020	± 0,010	
70,000	69,968	-0,032	± 0,005	± 0,020	± 0,010	
105,000	104,953	-0,047	± 0,005	± 0,020	± 0,010	
130,000	129,964	-0,036	± 0,006	± 0,050	± 0,010	

Người hiệu chuẩn

(Calibration by)

Nguyễn Việt Phương

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Đo lường Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of VMI)